

Bản án số: 04/2024/HS-ST.

Ngày: 10 - 01 - 2024.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Trung - Kiểm sát viên.

Người tiến hành tố tụng khác tại điểm cầu thành phần: Ông Tô Văn Thừa – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu trung tâm) và Nhà tạm giữ Công an huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng (điểm cầu thành phần) xét xử sơ thẩm công khai, trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 26/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 01/01/1988 tại huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: ấp T, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp: không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (còn sống); tiền án: 02 tiền án (ngày 02/6/2021 Tòa án nhân dân huyện C xét xử tuyên phạt bị cáo 12 tháng tù chưa được xóa án tích. Đến ngày 16/9/2022 Tòa án nhân dân huyện T xét xử tuyên phạt bị cáo 01 năm tù, chưa được xóa án tích); tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/9/2023 đến ngày 30/9/2023 chuyển tạm giam cho đến nay “có mặt”.

**** Bị hại:***

1. Anh Trần Tuấn T, sinh năm: 1978; cư trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1987; cư trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

3. Chị Phạm Thị L, sinh năm: 1981; cư trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

4. Anh Phùng Văn K, sinh năm: 1986; cư trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

5. Ông Lê Văn L, sinh năm: 1959; cư trú tại: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng “vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 26/9/2023 Nguyễn Văn Đ từ ấp A, xã A, huyện C đến ấp N, xã Đ, huyện C với mục đích để trộm cắp tài sản. Khi đến ấp N, xã Đ, huyện C thì Đ thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cụ thể như sau: Đ vào nhà anh Trần Tuấn T lấy trộm số tiền 300.000 đồng; vào nhà anh Phùng Văn K lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A77s, màu đen và số tiền 200.000 đồng; vào nhà chị Phạm Thị L và chị Phạm Thị T lấy trộm 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh của chị L và 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng của chị T; vào nhà ông Lê Văn L lấy trộm 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 12C, màu đen. Sau khi lấy trộm tài sản thì Nguyễn Văn Đ bị người dân phát hiện, truy hô và báo với Công an xã Đ cùng vây bắt, đến 01 giờ 50 phút ngày 27/9/2023 Công an xã Đ đã bắt được Nguyễn Văn Đ cùng toàn bộ tài sản mà Đ đã trộm cắp gồm 04 điện thoại và số tiền 500.000 đồng.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTTHS ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng Định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện C kết luận giá trị 04 điện thoại như sau:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A77s, màu đen, kiểu máy: CPH2473, RAM: 8 GB, bộ nhớ trong: 128 GB, số sê ri: 4aee2ecc, số IMEI 1: 866996066552318; số IMEI 2: 866996066552300. Giá trị thực tế bình quân trên thị trường vào thời điểm bị chiếm đoạt là 2.200.000 đồng (*hai triệu hai trăm ngàn đồng*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh, kiểu máy: RMX1943, RAM: 2 GB, bộ nhớ trong: 16 GB, số sê ri: AELBZP9PBUF6GSW, số IMEI 1: 861599041549592; số IMEI 2: 861599041549584. Giá trị thực tế bình quân trên thị trường vào thời điểm bị chiếm đoạt là 800.000 đồng (*tám trăm ngàn đồng*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng, kiểu máy: CPH1905, RAM: 4 GB, bộ nhớ trong: 64 GB, số sê ri: 65d06a8e số IMEI 1:

864267044448157; số IMEI 2: 864267044448140; góc trên bên phải màn hình bị nứt, phía trên mặt sau điện thoại có nhiều vết nứt. Giá trị thực tế bình quân trên thị trường vào thời điểm bị chiếm đoạt là 850.000 đồng (*tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi 12C, màu đen, mẫu: 22120RN86G, RAM: 4 GB, bộ nhớ trong: 64 GB, số IMEI 1: 863075068063229; số IMEI 2: 863075063232. Giá trị thực tế bình quân trên thị trường vào thời điểm bị chiếm đoạt là 850.000 đồng (*tám trăm năm mươi ngàn đồng*).

Tổng giá trị 04 điện thoại là 4.700.000đ (*bốn triệu bảy trăm ngàn đồng*).

Xét thấy hành vi của Nguyễn Văn Đ có đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản với tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn Đ.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS-CLD, ngày 29 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung để xét xử Nguyễn Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố Nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cáo trạng số 27/CT-VKS-CLD, ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ sau: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo bị bắt quả tang và thu hồi được toàn bộ tài sản trả lại cho các bị hại, nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; các bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 tuyên phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù; về trách nhiệm dân sự: do các bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L đã nhận lại đủ tài sản bị trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào, nên không đặt ra xem xét.

- Ý kiến của các bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt: yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Ý kiến của bị cáo Nguyễn Văn Đ: xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cù Lao Dung, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với những người bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do trước đó những người bị hại này đã có lời khai tại Cơ quan điều tra, việc vắng mặt của những người bị hại này tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt những người bị hại anh T, chị T, chị L, anh K và ông L.

[3] Qua xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa cho thấy: bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã xác định. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và vụ án còn được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

[4] Như vậy, đã có đủ căn cứ xác định: vào khoảng 20 giờ ngày 26/9/2023, Nguyễn Văn Đ có hành vi trộm cắp tài sản tại ấp N, xã Đ, huyện C của các bị hại: anh Trần Tuấn T số tiền 300.000 đồng; anh Phùng Văn K 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A77s, màu đen và số tiền 200.000 đồng; chị Phạm Thị L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, màu xanh; chị Phạm Thị T 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A7, màu vàng; ông Lê Văn L 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi 12C, màu đen. Tổng giá trị tài sản mà Nguyễn Văn Đ đã trộm của các bị hại là 5.200.000 đồng.

[5] Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thể hiện là người bình thường đủ năng lực hành vi, năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nên nhận thức được hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân, nhất là tại khu vực ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, nhưng chỉ vì bản tính lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải lao động chính đáng mà bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Vào ngày 02/6/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung xét xử về tội trộm cắp tài sản, chưa được xoá án tích. Sau đó, vào ngày 23/6/2022 bị cáo tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản, nên

thuộc trường hợp tái phạm. Đến ngày 26/9/2023 bị cáo chưa được xóa án tích mà tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản là hành vi phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, cáo trạng số 27/CT-VKS-CLD, ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung đã truy tố bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Với hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo phải bị trừng trị đích đáng theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng một mức án nghiêm khắc đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có như thế mới đủ điều kiện và thời gian cải tạo, răn đe và giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội sau này và có tác dụng phòng ngừa tội phạm chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo bị bắt quả tang và thu hồi được toàn bộ tài sản trả lại cho các bị hại, nên thuộc trường hợp phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật bị hạn chế; các bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, căn cứ vào điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo cũng là đúng pháp luật.

[8] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) thì bị cáo còn có thể bị phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, xét điều kiện hoàn cảnh của bị cáo không có thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L đã nhận lại tài sản bị trộm, không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10] Đối với đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh, việc áp dụng pháp luật, về mức hình phạt và về trách nhiệm dân sự: như đã nhận định ở phần trên, xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Về xử lý tài sản liên quan đến vụ án:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu của Nguyễn Văn Đ gồm: số tiền 153.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh. Tất cả đều là tài sản của bị cáo, không dùng vào việc phạm tội, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, hoàn trả lại cho bị cáo.

Đối với 04 điện thoại và số tiền 500.000 đồng mà bị cáo đã lấy trộm của các bị hại thì Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cù Lao Dung đã hoàn trả lại cho các bị hại, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[13] Về quyền kháng cáo bản án: căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021), bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng các bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 27 tháng 9 năm 2023.

3. Về trách nhiệm dân sự: do các bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L không yêu cầu bị cáo Nguyễn Văn Đ bồi thường khoản tiền nào, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về xử lý tài sản liên quan đến vụ án:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: hoàn trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn Đ số tiền 153.000 đồng (*một trăm năm mươi ba ngàn đồng*) và 01 (*một*) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh.

5. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021); điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2021): bị cáo được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án; riêng các bị hại anh Trần Tuấn T, chị Phạm Thị T, chị Phạm Thị L, anh Phùng Văn K và ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*mười lăm*) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- CAND huyện Cù Lao Dung;
- Cơ quan THAHS huyện Cù Lao Dung;
- Bị cáo;
- Các bị hại;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo